

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TN  
TỈNH TN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/DSST

Ngày: 17/6/2021

Về việc “*Tranh chấp chia di sản thừa kế*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TN**

***Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Huy Hưởng

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần T Tú, bà Nguyễn Thị Kim Thu

Th- ký phiên tòa: bà Hoàng Thị Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái nguyên: bà Hoàng Thị Diệu N1 - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11/6/2021 đến ngày 17/6/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 68/2018/TLST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2018. Về việc “*Tranh chấp chia di sản thừa kế*”, giữa:

Nguyên đơn: bà Trần Thị T, sinh năm 1941 (Vắng mặt)

Địa chỉ: xóm Đồng Danh, xã Sơn Cẩm, thành phố TN

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: ông Nguyễn N1Thụy luật sư thuộc đoàn luật sư TN (Có mặt)

Bị đơn: anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1968 (Có mặt)

Địa chỉ: xóm Đồng Danh, xã Sơn Cẩm, thành phố TN

Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan:

Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1975 (có mặt)

Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1980 (Vắng mặt)

Đều có địa chỉ: xóm Đồng Danh, xã Sơn Cẩm, thành phố TN, tỉnh TN

Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1962 (Vắng mặt)

Địa chỉ: xóm 6, xã Sơn Cẩm, thành phố TN, tỉnh TN

Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1963 (Vắng mặt)

Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1977 (Vắng mặt)

Đều có địa chỉ: xóm 7, xã Sơn Cẩm, thành phố TN, tỉnh TN

Chị Nguyễn Thị N2, sinh năm 1966 (Vắng mặt)

Địa chỉ: tổ 18, phường Tân Long, thành phố TN, tỉnh TN

Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1973 (Vắng mặt)

Địa chỉ: tiểu khu 8, thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn

Chị Đặng Thị Diệp C (Vắng mặt)

Địa chỉ: xóm Đồng Danh, xã Sơn Cẩm, thành phố TN, tỉnh TN

**NHẬN THẤY**

### **Trong đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn trình bày:**

Năm 1961, tôi kết hôn với ông Nguyễn Văn Q, trong quá trình sinh sống với nhau vợ chồng tôi sinh được 8 người con (2 người con trai và 6 người con gái). Về tài sản chung vợ chồng tôi chỉ có ngôi nhà cấp 4, diện tích khoảng 60 m<sup>2</sup> được xây dựng từ năm 1993 và được sửa lại thành hai tầng vào năm 2005. Về đất vợ chồng tôi có 7.884 m<sup>2</sup> (bao gồm: 400 m<sup>2</sup> đất thổ cư và còn lại là đất vườn, đất màu và đất lúa) đã được UBND huyện Phú Lương cấp cho 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (01 Giấy CNQSD đất số: U 278614, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: 02426/QSDĐ ngày 25/9/2001 và 01 Giấy CNQSDĐ số: 387130, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: 02533/QSDĐ ngày 10/6/2003).

Năm 2008 ông Nguyễn Văn Q chết do bệnh tật, trước khi chết chồng tôi không có tài sản riêng và không có di chúc để lại đối với phần tài sản của ông trong khối tài sản chung của gia đình cho bất cứ ai. Trong tổng số diện tích đất mà hộ gia đình tôi đã được cấp theo hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã nêu trên, hiện nay chỉ còn các thửa đất và diện tích từng thửa đất thuộc tờ bản đồ số 57, xã Sơn Cẩm, cụ thể như sau:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: U 278614, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: 02426/QSDĐ ngày 25/9/2001 còn các thửa đất:

- + Thửa số 115: 400 m<sup>2</sup> đất ONT; 29m<sup>2</sup> đất LNK;

- + Thửa số 116: 1629 m<sup>2</sup> đất LNK;

- + Thửa số 119: 357 m<sup>2</sup> đất BHK;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 387130, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: 02533/QSDĐ ngày 10/6/2003 có các thửa đất:

- + Thửa số 94: 485 m<sup>2</sup> đất LUK;

- + Thửa số 95: 1285 m<sup>2</sup> đất LUK;

- + Thửa số 96: 441 m<sup>2</sup> đất LUK;

Ngoài đất đai, nhà ở đã nêu trên, gia đình tôi còn xây dựng một số công trình phục vụ đời sống sinh hoạt như nhà bếp, chuồng lợn, tường bao, sân vườn và trồng được một số cây ăn quả (Nhãn, Hồng, Mít).

Do không thống nhất trong gia đình về việc quản lý và phân chia tài sản là di sản thừa kế của chồng tôi (ông Nguyễn Văn Q), nên tôi đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế toàn bộ phần tài sản của chồng tôi trong khối tài sản chung của hộ gia đình tôi theo quy định của pháp luật.

### **Tại biên bản tự khai và tại phiên tòa Bị đơn trình bày:**

Bố tôi là ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1940 đã mất năm 2008, mẹ tôi là Trần Thị T, sinh năm 1941, hiện nay vẫn còn khỏe mạnh, cư trú tại xóm Đồng Danh, Sơn Cẩm, thành phố TN, tỉnh TN.

Sau đây là số tài sản do bố tôi mất đi để lại cho gia đình tôi:

1. Diện tích đất và tài sản trên đất theo giấy CNQSDĐ Số 387130 địa chỉ xóm Đồng Danh, Sơn Cẩm, TN;

2. Diện tích đất và tài sản trên đất theo giấy CNQSDĐ Số 11278614;

3. Diện tích đất đã bán sau khi bố tôi là ông Nguyễn Văn Q (đã mất). Thời điểm bán đất là tháng 12/2014 tổng số tiền bán đất là 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng chẵn). Số tiền này là do tôi đứng ra bán đất và đưa toàn bộ cho mẹ tôi là bà Trần Thị T quản lý.

Năm 1991 khi tôi đã có gia đình, khi bố tôi vẫn còn sống, bố và mẹ tôi đã cùng nhau bàn bạc thống nhất chia cho tôi một phần đất làm một căn nhà tranh, che lợp lá cọ, nền bờ xây gạch và xây hai chuồng lợn.

Năm 2011 tôi xin bố mẹ tôi một mảnh đất ở cạnh đường Kho gạo, mảnh đất đó thuộc đất đường đi (chỉ để đi vào nhà bố mẹ tôi), tôi đã xây một kho đựng hàng. Hiện tại tôi vẫn đang sử dụng, không có sự tranh chấp nào.

Còn về phần mẹ tôi làm đơn kiện tôi chia thừa kế tôi có một yêu cầu như sau:

Nếu mẹ tôi đòi lại toàn bộ số đất mà bố mẹ tôi đã cho tôi để chia thì trước tiên tôi yêu cầu mẹ tôi phải bồi thường toàn bộ tiền công xây dựng tất cả trên mảnh đất đó bởi vì bố mẹ tôi đã cho tôi.

Còn về việc phân chia tài sản thừa kế thì tôi đề nghị như sau: khi bố tôi mất đi có để lại 02 sổ bìa đỏ đều mang tên ông Nguyễn Văn Q. Một bìa đỏ gồm có đất thổ cư, đất vườn, đất màu; một bìa đỏ là đất trồng lúa hàng năm.

Nên tôi yêu cầu đã ra tòa chia thừa kế thì phải công bằng theo pháp luật. Phải chia đều cho mỗi người được hưởng một phần thổ cư, một phần đất vườn, một phần đất trồng lúa và phải làm một con đường đi chung vào mảnh đất đã được chia đường đi chung có chiều rộng 2,5 đến 3 mét. Việc phân chia phải bóc thăm chánh tình trạng xảy ra mâu thuẫn.

Tôi không đồng ý việc mẹ tôi là bà Trần Thị T ủy quyền cho người khác giải quyết việc (chia di sản thừa kế) của ông cha tôi để lại. Tôi đề nghị với quý tòa là nguyên đơn là bà Trần Thị T phải trực tiếp đứng ra giải quyết trực tiếp (Việc chia gia sản thừa kế) vì toàn bộ tài sản đó có L quan đến việc trước đây cả bố và mẹ tôi đã đồng ý chia cho tôi một phần đất hiện tôi vẫn đang sử dụng.

Nay tôi đề nghị tòa án giải quyết chia thừa kế theo quy định của pháp luật (chia theo hiện vật).

#### **Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan:**

Bố tôi ông Nguyễn Văn Q, mẹ tôi bà Trần Thị T sinh được 8 người con (2 người con trai và 6 người con gái). Về tài sản chung bố mẹ tôi chỉ có ngôi nhà cấp 4, diện tích khoảng 60 m<sup>2</sup> được xây dựng từ năm 1993 và được sửa lại thành hai tầng vào năm 2005. Về đất bố mẹ tôi có 7.884 m<sup>2</sup> (bao gồm: 400 m<sup>2</sup> đất thổ cư và còn lại là đất vườn, đất màu và đất lúa) đã được UBND huyện Phú Lương cấp cho 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (01 Giấy CNQSD đất số: U 278614, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: 02426/QSDĐ ngày 25/9/2001 và 01 Giấy CNQSDĐ số: 387130, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: 02533/QSDĐ ngày 10/6/2003).

Năm 2008 ông Nguyễn Văn Q đã chết do bệnh tật, trước khi chết ông Q không có tài sản riêng và không để lại di chúc. Trong tổng số diện tích đất mà hộ gia đình ông Nguyễn Văn Q đã được cấp theo hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã nêu trên, hiện nay chỉ còn các thửa đất và diện tích từng thửa đất thuộc Tờ bản đồ số 57, xã Sơn Cẩm, cụ thể như sau:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: U 278614, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: 02426/QSDĐ ngày 25/9/2001 còn các thửa đất:

+ Thửa số 115: 400 m<sup>2</sup> đất ONT; 29m<sup>2</sup> đất LNK;

+ Thửa số 116: 1629 m<sup>2</sup> đất LNK;

- + Thửa số 119: 357 m<sup>2</sup> đất BHK;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 387130, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: 02533/QSDĐ ngày 10/6/2003 có các thửa đất:
  - + Thửa số 94: 485 m<sup>2</sup> đất LUK;
  - + Thửa số 95: 1285 m<sup>2</sup> đất LUK;
  - + Thửa số 96: 441 m<sup>2</sup> đất LUK;

Ngoài đất đai, nhà ở đã nêu trên, bố mẹ tôi còn xây dựng một số công trình phụ như nhà bếp, chuồng lợn, tường bao, sân vườn và trồng được một số cây ăn quả (Nhãn, Hồng, Mít). Nay chúng tôi đề nghị chia di sản thừa kế của bố tôi theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của ông V đưa ra là phải mở đường đi vào thửa 116, diện tích là 1926m<sup>2</sup> là LNK chúng tôi không đồng ý vì thửa 116 là đất vườn tạp không thể hiện đường đi trên bản đồ. Vì vậy phần đất chúng tôi được chia và được sử dụng làm vườn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nh- ng các bên đ- ong sự không thỏa thuận đ- ợc với nhau về việc giải quyết vụ án. Do đó phải đ- a ra xét xử công khai tại phiên tòa hôm nay.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm có quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã chấp nhận đúng các quy định của BLTTDS.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Trần Thị T khởi kiện anh Nguyễn Văn V yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật, nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp về thừa kế tài sản” tại khoản 5 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khi tranh chấp anh Nguyễn Văn V là Bị đơn có nơi cư trú tại xóm Đồng Danh, xã Sơn Cẩm, thành phố TN, tỉnh TN nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố TN theo quy định tại Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan: chị H, chị H1, chị N2, chị L và chị T1 đã có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các bên đương sự và lời trình bày tại phiên tòa thấy:

**2.1. Về hàng thừa kế:** bà Trần Thị T với ông Nguyễn Văn Q sinh được 8 người con là:

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1962
- Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1963
- Chị Nguyễn Thị N2, sinh năm 1966
- Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1968
- Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1973
- Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1975
- Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1977
- Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1980

Ông Q đã chết năm 2008, những người con của ông nêu trên và bà T thuộc hàng thừa kế thứ nhất. Ông Q chết không để lại di chúc nên được phân chia di sản thừa kế của ông để lại theo pháp luật.

**2.2. Về di sản thừa kế, theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản đã xác định được:**

**2.2.1. Về đất gồm có:**

- Đất thổ cư diện tích:  $400 \text{ m}^2 \times 1.275.000 \text{ đồng/m}^2 = 510.000.000 \text{ đồng};$
- Đất trồng cây lâu năm là  $1.658 \text{ m}^2 \times 70.000 \text{ đồng/m}^2 = 116.000.000 \text{ đồng};$

- Đất màu diện tích  $357 \text{ m}^2 \times 80.000 \text{ đồng/m}^2 = 28.560.000 \text{ đồng};$

- Đất lúa diện tích là  $2.206 \text{ m}^2 \times 80.000 \text{ đồng/m}^2 = 176.880.000 \text{ đồng}.$

(Do ông Q, bà T cùng anh B, chị N bỏ tiền ra mua năm 2002, tại thời điểm đó hộ gia đình bà T có 04 nhân khẩu (gồm ông Q, bà T, anh B và chị N), nên tổng diện tích  $2.206 \text{ m}^2 : 4 = 551,5 \text{ m}^2$  phần di sản của ông Q là  $551,5 \text{ m}^2 : 9 \text{ kỳ phần} = 61,3 \text{ m}^2$ ).

**2.2.2. Về tài sản gắn liền với đất:**

- Nhà ở xây dựng năm 1993 có diện tích  $63,65 \text{ m}^2$  xây lên tầng 2 năm 2005 của ông Q bà T có giá trị 74.647.820 đồng;

- Nhà Kho anh V xây dựng năm 2011 có giá trị là 311.353.380 đồng;

- Nhà ở chị N xây dựng năm 2017 có giá trị là 325.891.995 đồng;

- Chuồng lợn xây dựng năm 2010 có sau khi ông Q chết giá trị là 34.347.600 đồng (Tại phiên tòa anh B đồng ý đưa giá trị tài sản này vào khối di sản để chia);

- 95 cây Ổi, 03 cây Nhãn, 01 cây Quất Hồng bì, 01 cây Hồng, 10 cây Táo, 30 cây Chuối và 01 cây Keo có giá trị là 9.631.000 đồng.

Tổng giá trị di sản bao gồm nhà ở, đất và các tài sản khác là 1.587.371.795 đồng được trừ ngôi nhà kho của anh V, ngôi nhà của chị N và  $\frac{3}{4}$  diện tích đất trồng lúa (không phải di sản của ông Q để lại) có tổng giá trị là: 1.587.371.795 đồng – (311.353.380 đồng giá trị nhà kho của anh V + 325.891.995 đồng giá trị nhà của chị N + 132.660.000 đồng giá trị diện tích đất lúa) = 817.466.420 đồng : 2 = 408.733.210 đồng : 9 kỳ phần = 45.414.801 đồng.

**2.3. Về ý kiến của các đương sự:**

2.3.1. Ý kiến của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị H, chị H1, chị N2, chị L và chị

T1 bằng văn bản có xác nhận của chính quyền địa phương:

+ Đất thổ cư tại Thửa 115, diện tích:  $400 \text{ m}^2$  là tài sản chung vợ chồng của ông Q và bà T nên được chia  $2 = 200 \text{ m}^2$ . Theo quy định của pháp luật thì mỗi người thừa kế được hưởng phần di sản của ông Q để lại là:  $200 \text{ m}^2 : 9 = 22,2 \text{ m}^2$ . Với phần diện tích đất ở được chia cho từng người thừa kế nói chung và đối với Nguyễn Văn V nói riêng thì không đủ điều kiện để làm nhà ở theo quy định của pháp luật;

+ Đất vườn (CLN):  $1.658 \text{ m}^2$  chia cho bà T và ông Q, mỗi người được:  $829 \text{ m}^2$ . Phần di sản của ông Q chia cho 9, mỗi người được:  $92,1 \text{ m}^2$ ;

+ Đất màu:  $357 \text{ m}^2$ . Chia cho bà T và ông Q, mỗi người được:  $178,5 \text{ m}^2$ . Phần di sản của ông Q chia cho 9, mỗi người được:  $19,8 \text{ m}^2$ ;

+ Đất lúa tại các thửa 94, 95, 96 thuộc tờ bản đồ số 57 có tổng diện tích là:  $2.206 \text{ m}^2$  do ông Q, bà T cùng anh B bỏ tiền ra mua năm 2002, tại thời điểm đó hộ gia đình bà T có 04 nhân khẩu (gồm ông Q, bà T, anh B và chị N), nên tổng diện tích cả 03 thửa đất lúa được chia cho 04 khẩu, phần di sản của ông Q là  $\frac{1}{4} = 551,5 \text{ m}^2$ . Mỗi người thừa kế được hưởng phần đất lúa là:  $551,5 \text{ m}^2 : 9 = 61,3 \text{ m}^2$ .

Đối với phần tài sản gắn liền với đất (nhà ở, công trình phụ và cây cối, hoa màu) là tài sản chung của ông Q và T đã được Tòa án thẩm định xác định và định giá ngày 05/11/2018, đề nghị Tòa án giao cho anh B được toàn quyền sở hữu. Đối với tài sản là nhà ở, công trình xây dựng do chị N xây thì đề nghị Tòa án để cho chị N được quyền sở hữu. Còn tài sản là nhà kho do anh Nguyễn Văn V tự ý xây dựng thì đề nghị Tòa án yêu cầu anh V tự tháo dỡ để lấy đất chia cho những người thừa kế theo pháp luật.

**2.3.2. Ý kiến của anh B:** nhất trí như ý kiến của bà T, Chị H, chị H1, chị N2, chị L và chị T1 đã nêu trên và đề nghị Tòa án chấp nhận.

Tại phiên tòa anh B đồng ý cho chị N  $119 \text{ m}^2$  đất bằng diện tích chị N đã xây nhà vì theo văn bản thỏa thuận nói trên thì chị N chỉ được cho  $100 \text{ m}^2$ .

**2.3.3. Ý kiến của chị N:** chị đồng ý lấy phần đất ở  $119 \text{ m}^2$  và được quyền sở hữu ngôi nhà và công trình phụ đã xây như ý kiến bà T và các đồng thừa kế đã nêu trên. Còn toàn bộ về đất trồng cây lâu năm, đất màu, đất lúa và các tài sản trên đất mà chị được chia thì chị đề nghị Tòa án giao cho anh B được toàn quyền sở hữu, sử dụng và có trách nhiệm nộp thuế cho nhà nước theo quy định.

**2.3.4. Ý kiến của anh V:** Bố anh là ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1940 đã mất năm 2008 để lại cho gia đình tôi gồm:

1. Diện tích đất và tài sản trên đất theo giấy CNQSDĐ Số 387130 địa chỉ xóm Đồng Danh, Sơn Cẩm, TN.

2. Diện tích đất và tài sản trên đất theo giấy CNQSDĐ Số 11278614

3. Diện tích đất đã bán sau khi bố tôi là ông Nguyễn Văn Q (chết). Thời điểm bán đất là tháng 12/2014 tổng số tiền bán đất là 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng chẵn). Số tiền này là do anh đứng ra bán đất và đưa toàn bộ cho bà Trần Thị T quản lý.

Năm 2011 anh xin bố mẹ anh một mảnh đất ở cạnh đường Kho gạo, mảnh đất đó thuộc đất đường đi (chỉ để đi vào nhà bố mẹ anh), anh đã xây một kho đựng hàng. Hiện tại bây giờ anh vẫn đang sử dụng, không có sự tranh chấp nào.

Nếu mẹ anh đòi lại toàn bộ số đất mà bố mẹ anh đã cho anh để chia thì trước tiên anh yêu cầu mẹ anh phải bồi thường toàn bộ tiền công xây dựng tất cả trên mảnh đất đó bởi vì bố mẹ anh đã cho anh.

Nay anh đề nghị tòa án giải quyết chia thừa kế theo quy định của pháp luật (chia theo hiện vật) và phải làm một con đường đi chung vào mảnh đất đã được chia đường đi chung có chiều rộng 2,5 đến 3 mét.

[3]. Xét việc chia di sản thừa kế của ông Q theo quy định của pháp luật:

3.1. Tổng giá trị di sản của ông Q để lại gồm có: đất ở, đất trồng cây lâu năm, đất màu, đất trồng lúa và tài sản trên đất là 408.733.210 đồng : 9 kỷ phần = 45.414.801 đồng.

- Xét ý kiến thỏa thuận của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T và các đồng thừa kế về phân chia di sản, cũng như tính sử dụng ổn định của các đương sự về nhà ở, nhà kho và các công trình phụ nay được phân chia như sau:

+ Anh B được nhận tổng cộng giá trị di sản là 658.556.000 đồng trong đó:

- Đất thổ cư là 281 m<sup>2</sup> thuộc thửa số 115, tờ bản đồ số 57 tương ứng 358.275.000 đồng (Có sơ đồ kèm theo);

- Đất vườn là 1.631m<sup>2</sup> thuộc thửa số 115, 116 tờ bản đồ số 57 tương ứng 114.170.000 đồng (Có sơ đồ kèm theo);

- Đất lúa là 2.206 m<sup>2</sup> thuộc các thửa 94, 95, 96 tờ bản đồ số 57 tương ứng 176.480.000 đồng (Có sơ đồ kèm theo);

- Tài sản trên đất là 01 ngôi nhà 02 tầng xây dựng năm 1993, 01 nhà bếp xây dựng năm 1980, 01 chuồng lợn xây dựng năm 2010, 01 sân lát xi măng làm năm 1980, các công trình phụ và cây cối, hoa màu (gồm: 95 cây Ổi, 03 cây Nhãn, 01 cây Quất Hồng bì, 01 cây Hồng, 10 cây Táo, 30 cây Chuối và 01 cây Keo) tương ứng 9.631.000 đồng.

+ Chị N được nhận: 119 m<sup>2</sup> đất thổ cư thuộc thửa số 115, tờ bản đồ số 57 tương ứng giá trị di sản là 151.725.000 đồng và được quyền sở hữu ngôi nhà trên đất do chị xây dựng năm 2017 (Có sơ đồ kèm theo);

- Riêng thửa 119, tờ bản đồ số 57 đất màu có diện tích là 357 m<sup>2</sup> L quan đến nhà kho của anh V đã xây dựng từ năm 2011 nên cần chia cho anh V một phần và một phần diện tích dành để làm đường đi.

+ Anh V được chia tổng cộng giá trị di sản là 45.414.801 đồng trong đó:

- 27 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm thuộc thửa số 115, tờ bản đồ số 57 tương ứng 1.890.000 đồng (Có sơ đồ kèm theo);

- 281 m<sup>2</sup> đất màu thuộc thửa số 119, tờ bản đồ số 57 tương ứng 28.480.000 đồng và được sở hữu nhà kho anh xây năm 2011(Có sơ đồ kèm theo).

Anh V được nhận 21.044.801 đồng tiền chênh lệch do anh B trích chia.

3.2. Đối với nhà kho do anh Nguyễn Văn V xây dựng năm 2011, ngôi nhà chị N xây dựng năm 2017, ngôi nhà ở ông Q bà T xây dựng năm 1993, xây lên

tầng 2 năm 2005 và các công trình khác đều xây dựng không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép.

Tại phiên tòa cũng như trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự có ý kiến:

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T và các đồng thừa kế khác như chị Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị N2, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Văn B có ý kiến là buộc anh V phải tháo dỡ nhà kho;

- Anh V có ý kiến là chị N, bà T, anh B phải tháo dỡ các công trình xây dựng không có phép, anh B phải khắc phục việc đổ đất vào các thửa ruộng đang trồng lúa để trả lại hiện trạng.

Xét các công trình như: nhà kho do anh Nguyễn Văn V xây dựng năm 2011, ngôi nhà chị N xây dựng năm 2017, ngôi nhà ở ông Q bà T xây dựng năm 1993, xây lên tầng 2 năm 2005 và các công trình khác đều xây dựng không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép đến nay vẫn sử dụng ổn định và chưa có cơ quan nhà nước có thẩm quyền nào lập biên bản và ra quyết định xử phạt hành chính nên không cần phải tháo dỡ.

- Về diện tích đất (theo anh V trình bày) đã bán thời điểm tháng 12/2014 tổng số tiền bán đất là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng). Do anh đứng ra bán đất và đưa toàn bộ cho bà Trần Thị T quản lý (khi đó ông Q đã chết). Nhưng anh không chứng minh được số tiền này và anh cũng không yêu cầu giải quyết đến số tiền trên nên Hội đồng xét xử không xem xét;

3.2.3. Đối với con đường đi chung: để đảm bảo tính ổn định của các đồng thừa kế đang sử dụng giữ nguyên hiện trạng cần tách 76 m<sup>2</sup> tại thửa 119 tờ bản đồ số 57 (Có sơ đồ kèm theo) để làm đường đi chung.

[4]. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; định giá tài sản do nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu giải quyết HĐXX không xem xét.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN về đường lối giải quyết vụ án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật là có căn cứ.

Từ những cơ sở nêu trên, căn cứ quy định của BLDS năm 2015 và Luật đất đai năm 2013, xét thấy nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T là hoàn toàn có căn cứ.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T về việc chia di sản thừa kế theo pháp luật.

[6]. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 147, 227, 235, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;



- Căn cứ các Điều 212, 213, 218, 219, 221, 649, 650, 651 và Điều 660 của Bộ luật dân sự;
- Căn cứ các Điều 167, 169, 179, 188, 203 của Luật đất đai năm 2013;
- Căn cứ các Điều 61, 66 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T về việc chia di sản thừa kế theo pháp luật.

1.1. Anh Nguyễn Văn B được sử dụng tổng cộng giá trị là 658.556.000 đồng trong đó:

- Đất thổ cư là 281 m<sup>2</sup> thuộc thửa số 115, tờ bản đồ số 57 tương ứng 358.275.000 đồng có sơ đồ tứ cận là:

+ Phía Đông cạnh QABC = 37,02 m;

+ Phía Tây cạnh PO = 27,95 m;

+ Phía Nam cạnh QP = 20,79 m;

+ Phía Bắc cạnh OML = 7 m.

- Đất vườn là 1.631m<sup>2</sup> thuộc thửa số 115, 116 tờ bản đồ số 57 tương ứng 114.170.000 đồng có sơ đồ tứ cận là:

+ Phía Đông cạnh AM = 27,95 m;

+ Phía Tây cạnh GHIK = 60,65 m;

+ Phía Nam cạnh ABCDEG = 47,29 m;

+ Phía Bắc cạnh KLM = 54,24 m.

- Đất lúa là 2.206 m<sup>2</sup> thuộc các thửa 94, 95, 96 tờ bản đồ số 57 tương ứng 176.480.000 đồng có sơ đồ tứ cận đối với các thửa sau:

Thửa 94 là:

+ Phía Đông cạnh IHGF = 12,1 m;

+ Phía Tây cạnh AB = 7,94 m;

+ Phía Nam cạnh AKI = 46,07 m;

+ Phía Bắc cạnh ABDE = 49,26 m.

Thửa 95 là:

+ Phía Đông cạnh IHGFE = 26,36 m;

+ Phía Tây cạnh ABC = 29,53 m;

+ Phía Nam cạnh AKI = 41,14 m;

+ Phía Bắc cạnh CDE = 46,07 m.

Thửa 96 là:

+ Phía Đông cạnh GFED = 15,11 m;

+ Phía Tây cạnh ABC = 18,11 m;

+ Phía Nam cạnh AIHG = 29,19 m;

+ Phía Bắc cạnh CD = 32,67 m.

- Tài sản trên đất là 01 ngôi nhà 02 tầng xây dựng năm 1993, 01 nhà bếp xây dựng năm 1980, 01 chuồng lợn xây dựng năm 2010, 01 sân lát xi măng năm 1980, các công trình phụ và cây cối, hoa màu (gồm: 95 cây Ổi, 03 cây

Nhãn, 01 cây Quất Hồng bì, 01 cây Hồng, 10 cây Táo, 30 cây Chuối và 01 cây Keo) tương ứng 9.631.000 đồng.

Anh B phải trích chia phần chênh lệch cho anh V số tiền là: 21.044.801 đồng.

1.2. Chị N được sử dụng: 119 m<sup>2</sup> đất thổ cư thuộc thửa số 115, tờ bản đồ số 57 tương ứng 151.725.000 đồng và được quyền sở hữu ngôi nhà trên đất chị xây dựng năm 2017 có sơ đồ tứ cận là:

- Phía Đông cạnh AGFED = 21,65 m;
- Phía Tây cạnh BC = 20,8 m;
- Phía Nam cạnh AB = 6,02 m;
- Phía Bắc cạnh CD = 5,25 m.

1.3. Anh Nguyễn Văn V được sử dụng:

- 27 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm thuộc thửa số 115, tờ bản đồ số 57 tương ứng 1.890.000 đồng có sơ đồ tứ cận là:

- + Phía Đông cạnh AF = 7,80 m;
- + Phía Tây cạnh CDE = 7,22 m;
- + Phía Nam cạnh ABC = 4,97 m;
- + Phía Bắc cạnh EF = 2,20 m.

- 281 m<sup>2</sup> đất màu thuộc thửa số 119, tờ bản đồ số 57 tương ứng 28.480.000 đồng và được sở hữu nhà kho làm năm 2011 có sơ đồ tứ cận là:

- + Phía Đông cạnh AD = 15,60 m;
- + Phía Tây cạnh BC = 9,29 m;
- + Phía Nam cạnh AB = 21,38 m;
- + Phía Bắc cạnh CD = 37,24 m.

Anh V được nhận 21.044.801 đồng tiền chênh lệch do anh B trích chia.

Tách 76 m<sup>2</sup> tại thửa 119 tờ bản đồ số 57 để làm đường đi chung có sơ đồ tứ cận là:

- + Phía Đông cạnh DH = 3,70 m;
- + Phía Tây cạnh CG = 3,58 m;
- + Phía Nam cạnh CD = 37,24 m;
- + Phía Bắc cạnh GH = 21,88 m.

Anh Nguyễn Văn B, anh Nguyễn Văn V, chị Nguyễn Thị N có quyền làm thủ tục với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Anh Nguyễn Văn B phải nộp 32.927.800 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ nhà nước;

2.2. Anh Nguyễn Văn V phải nộp 2.270.740 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ nhà nước;

2.3. Chị Nguyễn Thị N phải nộp 7.586.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ nhà nước.

2.4. Hoàn trả lại bà Trần Thị T 300.000đ tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0006496 ngày 25/6/2018 của thi hành án dân sự thành phố TN.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn, vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ L quan. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với đương sự có mặt; 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án đối với đương sự vắng mặt ./.

**Nơi nhận:**

- Toà án tỉnh Thái Nguyên;
- VKS TPTN;
- THA TP TN;
- Các đ-ơng sự;
- L- u hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

***Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà***

**Đồng Huy Hưởng**

